**DANH SÁCH**
**CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ THU NHẬP THÊM HẰNG THÁNG THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND NGÀY 20/04/2026 CỦA HĐND THÀNH PHỐ ĐỢT 1 NĂM 2026**
*( Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 27/7/2026 của UBND phường Chu Văn An)*

| | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Số CCCD | Tổ dân phố | Diện đối tượng trong NQ 04 | Chế độ đang hưởng | Mức hưởng hàng tháng | Mức hỗ trợ thu nhập thêm hàng tháng | Hưởng đủ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Hoằng | 01/01/1943 | 027043000100 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 2 | Nguyễn Thị Sen | 26/05/1959 | 030159017145 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | Chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, được nuôi dưỡng trực tiếp | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 3 | Nguyễn Văn Trường | 18/02/1981 | 030081020307 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 4 | Nguyễn Văn Sơn | 18/06/1983 | 030083026419 | Trần Hưng Đạo | | NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 5 | Nguyễn Thị Tiến | 01/10/1952 | 030152006757 | Nguyễn Trãi 1 | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 6 | Nguyễn Văn Kim | 01/05/1965 | 030065009311 | Mật Sơn | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 7 | Dương Đình Phẩm | 01/01/1966 | 030066001093 | Chí Minh | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 8 | Dương Thị Vui | 30/09/1993 | 030193007298 | Chí Minh | khoản 1 | Đơn thân nghèo đang nuôi 01 con - Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000-700.000 | 250.000 | 1.750.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Nguyễn Văn Tỉu | 19/07/1932 | 030032004968 | Chí Minh | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 10 | Nguyễn Thị Song | 03/07/1926 | 030126002365 | Chùa Vần | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 11 | Đoàn Văn Thành | 01/02/1940 | 030040001305 | Thanh Hưng | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 12 | Nguyễn Thị Tư | 02/04/1942 | 030142001353 | Thanh Hưng | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 13 | Nguyễn Thị Hạnh | 10/02/1991 | 030191005506 | Thanh Hưng | khoản 1 | Đơn thân nghèo đang nuôi 01 con - Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 700.000 - 1.050.000 | 250.000 | 1.750.000 | |
| 14 | Phạm Thị Tiền | 08/02/1938 | 030138007762 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 15 | Nguyễn Thị Tý | 01/01/1965 | 030165017999 | Kiệt Đặc | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 16 | Lê Thị Oanh | 04/04/1961 | 030161014344 | Kiệt Đặc | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 17 | Vũ Thị Được | 01/01/1955 | 030155015148 | Kiệt Đặc | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 18 | Nguyễn Thị Hiền | 20/11/1993 | 030193000409 | Kiệt Đặc | khoản 1 | Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 19 | Đặng Thị Nga | 01/01/1951 | 030151000785 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 20 | Nguyễn Thị Lượng | 01/01/1959 | 030159011053 | Kiệt Đặc | khoản 1 | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 1.750.000 | 250.000 | 1750.000 | |
| 21 | Đào Thị Nga | 13/07/1956 | 030156000225 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 22 | Nguyễn Thị Quân | 10/05/1953 | 030153009218 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) Hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Đồng Thị Kim Phượng | 10/12/1986 | 052186003382 | Văn An | khoản 1 | Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 24 | Nguyễn Thị Phương | 30/08/1955 | 030155008349 | Văn An | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 25 | Trần Thị Chiến | 02/06/1958 | 030158013566 | Văn An | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 26 | Nguyễn Thị Nghĩa | 05/05/1959 | 030159017638 | Văn An | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 27 | Nguyễn Thị Chiêm | 14/04/1962 | 030162005007 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 28 | Nguyễn Thị Dần | 05/07/1961 | 030161003265 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 29 | Nguyễn Tiến Hà | 01/05/1985 | 030085006303 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 30 | Vũ Thị Lý | 01/01/1947 | 030147007564 | Ninh Chấp | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 31 | Phạm Thị Tiệp | 04/06/1957 | 030157003785 | Lạc Sơn | khoản 1 | Người từ đủ 60, không chồng con | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 32 | Lê Thị Thoa | 01/01/1930 | 030130006947 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 33 | Đặng Thị Hưởng | 22/08/1954 | 030154016661 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 34 | Trần Thị Phúc | 23/05/1955 | 030155010146 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 35 | Phạm Văn Hồng | 06/06/1956 | 030056002136 | Sao Đỏ | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 36 | Lê Thị Chanh | 29/06/1954 | 030154001725 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 37 | Bùi Quý Tẹo | 15/01/1954 | 030054006639 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 38 | Phạm Văn Huấn | 10/10/1954 | 030054006637 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Nguyễn Thị Minh | 25/07/1953 | 030153010292 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 40 | Vũ Duy Thêm | 17/02/1953 | 030053001433 | Sao Đỏ | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 41 | Trần Thị Mỳ | 04/04/1954 | 030154004001 | Nguyễn Trãi 1 | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 42 | Dương Thị Tính | 03/05/1952 | 030152000666 | Nguyễn Trãi 1 | khoản 1 | NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 43 | Nguyễn Đình Duy | 01/01/1952 | 030052004437 | Nguyễn Trãi 2 | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 44 | Đinh Văn Khánh | 17/09/1951 | 030051000794 | Nguyễn Trãi 2 | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 45 | Hoàng Thị Thanh | 01/01/1951 | 030151001634 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 46 | Trần Văn Nhất | 04/07/1977 | 030077010026 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 47 | Trần Đức Mạnh | 24/09/2008 | 030208014331 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 48 | Nguyễn Thị Quang | 28/02/1949 | 030149001025 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 49 | Bùi Thị Sách | 25/05/1979 | 017179008623 | Hùng Vương | khoản 1 | Đơn thân nghèo đang nuôi 01 con - Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 700000 - 1.050.000 | 250.000 | 1.750.000 | |
| 50 | Nguyễn Văn Ngọc | 16/09/1981 | 030081021683 | Hùng Vương | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 51 | Nguyễn Thị An | 01/12/1953 | 030153013257 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 52 | Đào Thị Giáp | 25/01/1947 | 030147008226 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 53 | Nguyễn Trọng Thuần | 03/02/1955 | 030055006245 | Hùng Vương | khoản 1 | ((NĐ 176) hưu trí xã hội h | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 54 | Nguyễn Thị Vân | 06/04/1955 | 030155015362 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | Nguyễn Thị Mộc | 01/01/1951 | 030151001573 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 56 | Đào Văn Lộc | 01/01/1949 | 030049008966 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 57 | Nguyễn Thị Yến | 01/01/1950 | 030150011450 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 58 | Lê Quang Long | 01/10/1955 | 030055003302 | Hùng Vương | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 59 | Dương Thị Lý | 06/02/1978 | 030178007170 | Mật Sơn | khoản 1 | Đơn thân nghèo đang nuôi 01 con - Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 - 700.000 | 250.000 | 1.750.000 | |
| 60 | Phạm Thị Thu | 27/09/1988 | 022188005323 | Chí Minh | khoản 1 | Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 61 | Nguyễn Thị Kha | 01/01/1938 | 030138007406 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 62 | Phan Văn Tâm | 01/01/1948 | 030048006715 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 63 | Phan Thị Chí | 01/01/1939 | 030139000313 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 64 | Mạc Thị Hoa | 22/03/1964 | 030164003056 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | Người đơn thân cận nghèo nuôi 01 con | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 65 | Trương Thị Thăng | 19/06/1953 | 030153009684 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 66 | Nguyễn Thị Chinh | 7/4/1983 | 030183017322 | Thanh Hưng | khoản 1 | Đơn thân nghèo đang nuôi 01 con - Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 700.000 - 1.050.000 | 250.000 | 1.750.000 | |
| 67 | Mạc Thị Sen | 02/07/1956 | 030156014217 | Thanh Hưng | khoản 1 | Người đơn thân cận nghèo nuôi 01 con | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 68 | Nguyễn Thị Duyên | 12/01/1980 | 030180005759 | Thanh Hưng | khoản 1 | Người đơn thân cận nghèo nuôi 01 con | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 69 | Đoàn Văn Sử | 02/01/1977 | 030077020345 | Thanh Hưng | khoản 1 | Người đơn thân cận nghèo nuôi 02 con | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 70 | Nguyễn Thị Tiệp | 2/10/1938 | 030138005619 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 71 | Nguyễn Văn Tới | 01/07/1952 | 030052002797 | Kiệt Đặc | khoản 1 | ((NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 72 | Đào Thị Thục | 25/12/1952 | 030152003222 | Kiệt Đặc | khoản 1 | ((NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 73 | Đoàn Thị Tỉnh | 01/01/1955 | 030155008518 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 74 | Nguyễn Thị Hoà | 01/01/1956 | 030156013506 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 75 | Phạm Thị Anh | 26/06/1991 | 030191000886 | Kiệt Đặc | khoản 1 | NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 76 | Nguyễn Văn Cung | 20/10/1951 | 030051000617 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 77 | Hoàng Thị Lệ | 12/03/1952 | 030152001032 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 78 | Lã Thị Dĩnh | 08/04/1954 | 030154002468 | Trần Quốc Chẩn | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 79 | Trần Thị Quắc | 23/12/1949 | 030149008883 | Văn An | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 80 | Nguyễn Văn Hùng | 03/05/1985 | 030085009664 | Văn An | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 81 | Phạm Thị Thanh Xuân | 02/01/1980 | 030180001434 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 82 | Trần Thị Nhuần | 06/09/1980 | 030180007986 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người đơn thân cận nghèo nuôi 01 con | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 83 | Ngô Thị Dòn | 02/03/1951 | 024151005818 | Thượng Lộc | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 84 | Nguyễn Văn Khôi | 09/03/1964 | 030064000464 | Ninh Chấp | khoản 1 | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 1.750.000 | 250.000 | 1.750.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 85 | Ngô Thị Lân | 05/05/1964 | 030164005597 | Ninh Chấp | khoản 1 | Chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, được nuôi dưỡng trực tiếp | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 86 | Nguyễn Thị Hòa | 01/04/1951 | 030151001749 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 87 | Nguyễn Đức Kiềm | 24/01/1952 | 030052002303 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 88 | Nguyễn Thị Nuôi | 02/05/1953 | 030153002398 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176) hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 89 | Vũ Thị An | 13/06/1958 | 030158011886 | Sao Đỏ | khoản 1 | người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 90 | Vũ Thị Hoa | 22/05/1995 | 030195010593 | Sao Đỏ | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 91 | Vũ Thị Chỉ | 10/10/1954 | 030154001209 | Sao Đỏ | khoản 1 | Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi | 1.750.000 | 250.000 | 1.750.000 | |
| 92 | Vũ Văn Mấm | 14/05/1959 | 030059008900 | Sao Đỏ | khoản 1 | Người khuyết tật nặng là người cao tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 93 | Nguyễn Văn Thiện | 11/09/1995 | 030095014737 | Sao Đỏ | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 94 | Nguyễn Xuân Việt | 01/02/1946 | 030046004872 | Sao Đỏ | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 95 | Trần Văn Nghi | 12/4/1945 | 030045000143 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 96 | Nguyễn Thị Ngát | 11/02/1974 | 030174001076 | Nguyễn Trãi 1 | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 97 | Nguyễn Thị Toàn | 15/06/1950 | 030150009282 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 98 | Cáp Thị Thu Huyền | 08/08/2008 | 030308007325 | Lạc Sơn | khoản 1 | người từ 16-22 tuổi đang đi học , không có nguồn nuôi dưỡng | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 99 | Bùi Thị Hiên | 30/06/1962 | 030162006116 | Lạc Sơn | khoản 1 | Chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, được nuôi dưỡng trực tiếp | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 100 | Phạm Văn Tám | 20/04/1968 | 030068006602 | Lạc Sơn | khoản 1 | NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi | 1.400.000 | 600.000 | 4.200.000 | |
| 101 | Phạm Thị Yến | 01/01/1951 | 030151000803 | Thái Học 2 | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 102 | Hoàng Văn Tiến | 05/05/1972 | 030072005756 | Sao Đỏ | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 103 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 28/04/1985 | 030185008647 | Trần Hưng Đạo | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 104 | Đỗ Anh Hùng | 15/10/1979 | 030079015737 | Văn An | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 105 | Đỗ Văn Quỳnh | 10/16/1988 | 030088001802 | Văn An | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 106 | Phạm Văn Thưởng | 20/06/1983 | 030083015637 | Thượng Lộc | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 107 | Lê Thị La | 01/01/1946 | 030146000116 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 108 | Vũ Đình Bính | 20/06/1966 | 030066004488 | Ninh Chấp | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | Từ tháng 1-6 hưởng 950.000. từ tháng 7 hưởng 1.400.000 | 6.300.000 | |
| 109 | Nguyễn Văn Thành | 29/09/1982 | 030082010592 | Lạc Sơn | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 110 | Bùi Thị Vi | 28/08/1984 | 030184013256 | Lạc Sơn | khoản 1 | Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi | 1.050.000 | 950.000 | 6.650.000 | |
| 111 | Lê Văn Sê | 15/02/1955 | 030055011591 | Mật Sơn | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 112 | Trần Thị Thoa | 16/6/1956 | 030156014567 | Mật Sơn | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 1.300.000 | |
| 113 | Trần Văn Soạn | 20/6/1956 | 030056014373 | Kiệt Đặc | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 1.300.000 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 114 | Trần Thị Nghì | 10/2/1949 | 030149004166 | Sao Đỏ | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 9.100.000 | |
| 115 | Phạm Thị Nga | 17/07/1945 | 030145006197 | Ninh Chấp | khoản 1 | (NĐ 176 )hưu trí xã hội | 700.000 | 1.300.000 | 2.600.000 | |
| 116 | Vũ Thị Định | 24/09/1962 | 030162003427 | Ninh Chấp | điểm đ Khoản 2 | (NQ 04 ) điều 2 điểm đ | 0 | 2.000.000 | 14.000.000 | |
| 117 | Trần Thị Lộc | 08/01/1959 | 030159016410 | Sao Đỏ | điểm đ Khoản 2 | (NQ 04 ) điều 2 điểm đ | 0 | 2.000.000 | 14.000.000 | |
| 118 | Lê Thị Hậu | 12/06/1957 | 030157007763 | Sao Đỏ | điểm đ Khoản 2 | (NQ 04 ) điều 2 điểm đ | 0 | 2.000.000 | 14.000.000 | |
| | | | | | | | | | 845.550.000 | |